

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2020/DS-ST

Ngày 25 tháng 9 năm 2020

V/v tranh chấp về yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P- TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Thao

Ông Nguyễn Bá Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 117/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 5 năm 2020 về việc “Tranh chấp về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2020/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2020/QĐST-DS, ngày 14 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Văn D, sinh năm 1972 (Có mặt);

Địa chỉ: Buôn Chính H, xã Ia M, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị T (Vắng mặt);

Địa chỉ: 238/2 Phạm Văn Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/3/2020, đơn khởi kiện bổ sung, lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Đặng Văn D trình bày:

Trước đây tôi có nhận thi công công trình cống Ia M, huyện K, tỉnh Gia Lai với ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị T, nhưng chỉ thỏa thuận miệng, không ký kết hợp đồng bằng văn bản. Sau khi làm xong công trình, ngày 15/10/2019 hai bên tính toán khối lượng và tính thành tiền là 280.000.000đ, bao gồm các hạng mục đào đắp bê tông các loại, trong đó tôi đã ứng trước của ông H và bà T số tiền 38.000.00đ. Sau khi đã trừ đi số tiền tạm ứng và ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị T trả thêm cho tôi được 100.000.000đ, số tiền còn lại là 142.000.000đ, hai bên tiến hành xác nhận, hẹn thanh toán làm hai đợt, đợt 1 vào ngày 15/11/2019 và đợt 2 vào ngày 15/12/2019.

Thế nhưng khi đến hạn thanh toán vợ chồng ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị T lại không trả tiền cho tôi. Đến nay sau nhiều lần tôi đòi nợ nhưng vợ chồng ông H bà T vẫn không chịu thanh toán số tiền còn nợ cho tôi.

Nay tôi yêu cầu ông Nguyễn Thanh H và bà Trần Thị T phải trả cho tôi số tiền nợ 142.000.000đ và tiền lãi tính từ ngày 15/12/2019 cho đến nay theo quy định của pháp luật. Ngoài ra tôi không có yêu cầu nào khác.

Tại bản khai và lời khai có tại hồ sơ vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Thanh H trình bày:

Vừa qua Công ty TNHH MTV Hoàng H nhận làm công trình cống Ia M, huyện K, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian thi công chúng tôi có thuê ông Đặng Văn D làm công, thi công một phần công việc, việc thuê không được lập thành văn bản chỉ nói miệng với nhau. Hai bên đã tiến hành xác nhận khối lượng thi công thành tiền. Sau đó chúng tôi đã thanh toán cho ông Đặng Văn D và hiện tại còn nợ lại khoảng 140.000.000đ. Hiện nay do làm ăn kinh tế đang gặp khó khăn nên chưa thanh toán được cho ông D. Khoảng tháng 10/2020 chúng tôi mới có điều kiện trả được số tiền còn lại cho ông Đặng Văn D.

Số tiền nợ trên vợ chồng tôi Nguyễn Thanh H và Trần Thị T sẽ chịu trách nhiệm hoàn trả đầy đủ cho ông D.

Quá trình chuẩn bị xét xử và đến phiên tòa hôm nay, Tòa án đã triệu tập bị đơn là bà Trần Thị T đến Tòa án để trình bày, hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng bà T không chấp hành, nên không có lời khai tại hồ sơ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của kiểm sát viên, trên cơ sở xem xét, đánh giá khách quan, đầy đủ, toàn diện, trong mối liên hệ giữa các tài liệu, chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ trả tiền phát sinh từ hợp đồng thi công công trình xây dựng; bị đơn cư trú tại địa bàn thành phố Pleiku nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị đơn là chị Trần Thị T đã không chấp hành đầy đủ pháp luật, chị Trần Thị T không lên Tòa án theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, hòa giải đến nay vẫn tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, thể hiện tinh thần không tôn trọng pháp luật, ý thức công dân không tốt, anh Nguyễn Thanh H vắng mặt nên Tòa án tiếp tục xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Thanh H phải chịu mọi hậu quả theo quy định tại khoản 25 Điều 70 và Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

-Đối với yêu cầu bị đơn trả số tiền 142.000.000đ phát sinh từ việc thi công công trình cống Ia M, huyện K, tỉnh Gia Lai. Điều này chính bị đơn anh Nguyễn Thanh H

thừa nhận hai bên có hợp đồng thi công xây dựng và còn nợ lại số tiền này của nguyên đơn nhưng do khó khăn nên bị đơn chưa có tiền để trả cho nguyên đơn. Do đó có cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 142.000.000đ là đúng sự thật. Nay nguyên đơn yêu cầu các bị đơn phải trả số tiền này là có cơ sở chấp nhận.

-Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Các bên đều thừa nhận sau đối chiếu công nợ, bị đơn và nguyên đơn thỏa thuận bị đơn trả thành hai đợt, đợt 2 trả hết số tiền phải thanh toán là ngày 15/12/2019, nhưng nay phía bị đơn chưa thanh toán đợt nào. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 15/12/2019 cho đến nay là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho phía bị đơn nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Thời gian chậm trả từ ngày 15/12/2019 đến nay (25/9/2020) là 9 tháng 10 ngày. Tiền lãi chậm thanh toán sẽ là $142.000.000đ \times 10\%/năm$ ($0,83\%/tháng$) $\times 9$ tháng 10 ngày = 11.000.266đ.

-Về nghĩa vụ thanh toán, trong giấy xác nhận ngày 15/10/2019, cả anh Nguyễn Thanh H và chị Trần Thị T đều ký xác nhận, vì vậy anh H và chị T có nghĩa vụ liên đới trả cho anh Đặng Văn D số tiền còn phải thanh toán.

[4] Về tiền án phí:

Cần buộc các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Đặng Văn D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ Khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 5, 91, 227, 228, 235, 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

-Áp dụng các Điều 275, 280, 288, 385, 513, 515, 519 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đặng Văn D.

Buộc anh Nguyễn Thanh H và chị Trần Thị T phải liên đới trả cho anh Đặng Văn D tổng số tiền là 153.000.266đ (Một trăm năm ba triệu không trăm không chục nghìn hai trăm sáu sáu đồng). Trong đó tiền gốc là 142.000.000đ; tiền lãi chậm thanh toán là 11.000.266đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

-Căn cứ các Điều 143, 144, 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1.Buộc anh Nguyễn Thanh H và chị Trần Thị T phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ phải thanh toán là 7.650.013đ (Bảy triệu sáu trăm năm mươi nghìn không trăm mười ba đồng) sung quỹ Nhà nước.

2.Anh Đặng Văn D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Đặng Văn D số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.867.000đ (Ba triệu tám trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo biên lai số 0004995, ngày 15/5/2020 và biên lai số 0005116, ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Người vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu người thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố P;
- Chi cục THADS thành phố P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Tiến